

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm

2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc: Số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 02/2023/TT-UBDT ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Số 17/2022/TTBLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; số 03/2023/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2022/TTBLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: Số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 5 năm 2023 Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về thực hiện một số nhiệm vụ thuộc Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xét Tờ trình số 152/TTr-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều, nội dung của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 636/BC-DT ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 và một số nội dung Phụ lục ban hành kèm theo Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 258/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, gồm các nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí đối ứng không thấp hơn 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình và thực hiện việc phân bổ vốn theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này”.

2. Sửa đổi nội dung tại điểm 2.1, điểm 2.2, khoản 2 Tiểu dự án 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Phụ lục số III.

a) Sửa đổi nội dung tại điểm 2.1 như sau:

“Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất theo hướng dẫn của Bộ Y tế.”

b) Sửa đổi nội dung tại điểm 2.2 như sau:

“Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành không quá 26% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Ban Dân tộc không quá 20,8%, Sở Công Thương không quá 0,7%, Sở Y tế không quá 3%; các đơn vị: Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh đoàn, Hội Nông dân tỉnh, mỗi đơn vị không quá 0,5% để thực hiện nội dung”.

“Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất theo hướng dẫn của Bộ Y tế.”

3. Sửa đổi nội dung tại điểm 1.2, khoản 1 Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Phụ lục số V như sau:

“Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu thực tế của các huyện xây dựng dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2, khoản 2 Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Phụ lục số V như sau:

“2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

+ Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh 100% trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 50%, Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 35%, các đơn vị: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, mỗi đơn vị tối thiểu 5%.

+ Phân bổ vốn cho các huyện: Không.

- Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học

“Giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã có liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với nhu cầu thực tế của các huyện, thị xã đảm bảo đúng đối tượng chính sách được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47 Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt”.

5. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại điểm 3.2, khoản 3 Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Phụ lục số V như sau:

“Phân bổ vốn cho các huyện và Trường trung cấp nghề Miền núi Thanh Hóa: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	0,035 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) được sử dụng làm căn cứ phân bổ cho các huyện và Trường trung cấp nghề Miền núi Thanh Hóa.

Số lượng học viên và nội dung chi cụ thể theo thực tế của các huyện và Trường trung cấp nghề Miền núi Thanh Hóa đề xuất, được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, tổng hợp.”

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại khoản 1, Phụ lục số VII như sau:

“Phân bổ cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi trung tâm y tế huyện, bệnh viện huyện được đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo	300	a	300 x a
	Tổng cộng	-	-	

Số lượng (a) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các huyện đề xuất, hoặc căn cứ nhu cầu thực tế của đơn vị theo hướng dẫn của Bộ Y tế.”

7. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại điểm 1.2, khoản 1 Tiểu dự án 1. Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, Phụ lục số X như sau:

“Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số	27	a	27 x a
	Tổng cộng điểm	-	-	

Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).”

8. Sửa đổi điểm 2.2, khoản 2 Tiểu dự án 2. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Phụ lục số X như sau:

“2.2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

- Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành cấp tỉnh 100%, trong đó: Ban Dân tộc tỉnh không quá 20%, Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 15%, Sở Thông tin và Truyền thông tối thiểu 65%”.

- Phân bổ vốn cho các huyện: Không.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng